TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2023
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Diệp Huyền Thảo

Ông Nguyễn Trung Vẹn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, đường D, T, thành phố T, Đài Loan.

Bị đơn: Anh Dương Hoài H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Dương Hoài H qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/12/2005. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn anh chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau đó chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay, anh chị ly thân từ năm 2015. Chị nhận thấy chị và anh H không thể hàn gắn, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Hoài H; về con chung: Thời gian chung sống anh chị có hai con chung tên Dương Dĩ K, sinh ngày 21/11/2006 và Dương Ngọc Tuyết N, sinh ngày 04/4/2011, hiện đang sống chung với

anh H, sau ly hôn nếu con muốn sống với chị thì chị nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, nếu con muốn sống với anh H, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/người/tháng; về tài sản chung: chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2023 bị đơn anh Dương Hoài H trình bày:

Anh thống nhất trình bày của chị Nguyễn Thị X về quan hệ hôn nhân và về con chung. Năm 2015 chị X đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, năm 2017 chị X có về nước một lần và nói đi 12 năm mới về, kể từ khi đi Đài Loan chị X rất ít liên lạc nói chuyện với anh, anh chị ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Việc chị X yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh không muốn ảnh hưởng tâm lý của các con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu chị Nguyễn Thị X cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Dương Hoài H và chị Nguyễn Thị X đều có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ kiện đã được Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị X và anh Dương Hoài H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, năm 2015 chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và anh chị ly thân cho đến nay, nay chị X yêu cầu ly hôn, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị X, anh H ly hôn với nhau. Về con chung, giao hai cháu Dương Dĩ K, sinh ngày 21/11/2006 và Dương Ngọc Tuyết N, sinh ngày 04/4/2011, cho anh Dương Hoài H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị X cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/người/tháng; về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Hoài H, do chị X đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nên đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị X, anh Dương Hoài H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X, anh Dương Hoài H kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị X, anh H là hợp pháp. Thời gian chung sống theo chị X khai giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc, cuộc sống anh chị thường xuyên cự cãi, năm 2015 chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh chị ly thân cho đến nay, anh H cũng thừa nhận từ khi chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, giữa hai bên không thường xuyên liên lạc trao đổi để vun đắp tình cảm gia đình. Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa anh H, chị X không đạt được mục đích đó. Việc anh H không đồng ý ly hôn không phải vì còn thương yêu chị X mà chỉ vì sợ ảnh hưởng tâm lý của con, tuy nhiên chị X đã rời gia đình đi xuất khẩu lao động từ năm 2015 cho đến nay, hiện nay hai người ở hai nước khác nhau nên việc hàn gắn là không thể thực hiện được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X, cho chị Nguyễn Thị X và anh Dương Hoài H ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Dương Hoài H có hai con chung là Dương Dĩ K, sinh ngày 21/11/2006 và Dương Ngọc Tuyết N, sinh ngày 04/4/2011, từ khi chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì cả hai cháu đều sống chung với anh Dương Hoài H, được anh H chăm sóc chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với anh H. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao hai cháu Dương Dĩ K và Dương Ngọc Tuyết N cho anh Dương Hoài H tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Hoài H không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, chị X tự nguyện tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/người/tháng, xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không nuôi con, hơn nửa là cấp dưỡng cho hai người con, không phải cho anh H, nên Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của chị X.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Dương Hoài H tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Dương Hoài H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Dương Dĩ K, sinh ngày 21/11/2006 và Dương Ngọc Tuyết N, sinh ngày 04/4/2011, cho anh Dương Hoài H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/người/tháng, từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0016834 ngày 19/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, chị Nguyễn Thị X còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TpHCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan